

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2024/HS-PT
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Thom;

Ông Nguyễn Tiên Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1338/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, do có kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Thanh T, Trần Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Phan Thị Thanh T**, sinh ngày 02/02/1988 tại B, Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Số G, đường N, tổ A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Phan Văn H, sinh năm 1963 và bà Đoàn Thị P, sinh năm 1964; Chồng là Trần Trường T1, sinh năm 1975 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/9/2022 bị TAND tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài". Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2022 đến ngày 02/4/2023 được tại ngoại. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn S**, sinh ngày 19/9/1985 tại T, tỉnh Trà Vinh; Tên gọi khác: Nguyễn T2; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: số A, tỉnh lộ 8, ấp B, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn H1 (chết) và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1952; Vợ là Nguyễn Thị Thanh T4, sinh năm 1987 và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2022 đến ngày 09/01/2023 được tại ngoại. Có mặt tại phiên

tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2022, Nguyễn Thị Kiều N và Nguyễn Quý T5 liên hệ với Phan Thị Thanh T nhờ làm thủ tục đi sang Mỹ. T nhận lời làm giúp bằng cách xin visa từ Thái Lan đi Canada, sau đó trốn sang Mỹ với giá 15.000 USD/người và giới thiệu Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 sang Thái Lan gặp Nguyễn Văn C. Tại Thái Lan, Nguyễn Văn C bố trí đưa đón, chỗ ở và thu phí lần tay 200 USD/người. Tuy nhiên, do không làm được visa đi Canada nên Nguyễn Văn C chuyển hướng sang hình thức xin visa du lịch từ Việt Nam đi Cuba để trốn sang Mỹ và nhờ Phan Thị Thanh T tìm “Tour” (du lịch). Phan Thị Thanh T liên hệ Công ty TNHH D (địa chỉ A N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh) có tổ chức “Tour” du lịch C1 và nói Nguyễn Quý T5, Nguyễn Thị Kiều N đi theo hình thức du lịch “Tour” Cuba do T và C đã liên hệ với giá 45.000 USD/người, chưa bao gồm tiền vé máy bay và chi phí đặt “Tour” du lịch.

Trong thời gian này, Phan Thị Thanh T gặp Trần Văn S chuyên làm dịch vụ tư vấn du học và xuất khẩu lao động. T nói với S là đang làm cho khách đi sang Mỹ lao động bằng cách đi “tour” du lịch Cu B sau đó làm giấy tờ đi sang Mỹ với giá 50.000 USD/người, hưởng lợi 5000 USD/người, nếu S có khách giới thiệu sẽ chia đôi là 2.500 USD/người. Khoảng đầu tháng 5/2022, Trần Văn S trao đổi thông tin này với Lê Thị V làm thủ tục cho Lê Văn S1 là cháu họ của V đi Mỹ theo hình thức trên với giá 60.000 USD. Phan Thị Thanh T hướng dẫn Trần Văn S thu hộ chiếu phổ thông, căn cước công dân và ảnh 4 x 6 cm của Lê Văn S1 gửi cho Lê Quý T6 ở quận G, thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời gửi ảnh chụp căn cước công dân và ảnh 4 x 6 cm của Lê Văn S1 gửi cho Phan Thị Thanh T qua tài khoản telegram “T pass T7” để làm hồ sơ xin visa du lịch C1, mua vé máy bay đồng thời nộp trước 130.000.000 đồng để làm visa, nộp chi phí “tour”. Trần Văn S nói với Lê Thị V và gia đình Lê Văn S1 chuyển 150.000.000 đồng cho S, sau đó S sử dụng tài khoản ngân hàng Đ số 0110458701 chuyển vào tài khoản ngân hàng T11 số 19038005228016 của vợ là Nguyễn Thị Thanh T4 nhờ T4 chuyển vào tài khoản ngân hàng V1 số 0481000740718 của Phan Thị Thanh T số tiền 130.000.000 đồng. Trần Văn S hưởng 20.000.000 đồng còn lại.

Khoảng ngày 07/5/2022, Phan Thị Thanh T và Nguyễn Văn C đã gặp Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 tại thành phố Hồ Chí Minh nói về kế hoạch “tour” du lịch Cuba, trong đó chi phí mua vé máy bay, “tour” sẽ chi trả trước, số tiền 45.000 USD sang đến Mỹ trả sau. Phan Thị Thanh T chịu trách nhiệm tìm “công ty T12, mua vé máy bay” để làm hồ sơ xin visa.

Ngày 11/5/2022, Nguyễn Thị Kiều N chuyển cho Phan Thị Thanh T số tiền 462.976.000 đồng từ tài khoản của N sang tài khoản 0481000740718 của T. Nội dung của số tiền này là trả tiền vé máy bay cho 08 người (gồm Nguyễn Thị Kiều N và 07 khách của N là “N1, T8, B1, M, K, C2, L”). Vé máy bay của Lê Văn S1 do Phan Thị Thanh T mua. Nguyễn Quý T5 tự mua vé cho mình.

Ngày 12/5/2022, Phan Thị Thanh T đưa Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 đến Công ty TNHH D để ký hợp đồng tour du lịch Cuba. Hợp đồng có tên bên B là Nguyễn Thị Kiều N ký hợp đồng tổ chức đi du lịch Cuba cho 10 người (gồm 9 người lớn, 01 trẻ em). Giá tiền của khách người lớn là 38.400.000 đồng/người, khách trẻ em là 15.800.000 đồng/người. Lúc này, Phan Thị Thanh T nói T có 01 khách là Lê Văn S1 và nhờ Nguyễn Thị Kiều N chuyển hộ tiền cho S1 rồi sẽ khấu trừ sau. Nguyễn Thị Kiều N đã chuyển toàn bộ số tiền chi phí tour là 361.400.000 đồng từ tài khoản của N cho Công ty TNHH D. Travel.

Ngày 13/5/2022, Phan Thị Thanh T cùng Nguyễn Quý T5, Nguyễn Thị Kiều N đến Tổ N tại thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục xin visa cho 10 người trong “Tour” du lịch.

Sáng ngày 17/5/2022, Nguyễn Quý T5 cùng Phan Thị Thanh T đến Lãnh sự quán Cuba nhận hộ chiếu đã có visa Cuba. Nguyễn Quý T5 là người nộp tiền phí làm thủ tục xin cấp visa (trong đó có visa của T5, N và khách của N do N nhờ nộp hộ). Phan Thị Thanh T nhờ T5 nộp hộ phí visa cho Lê Văn S1 vì T không có tiền USD (chi phí dịch vụ là 300 USD/bộ). Sau khi có visa, Phan Thị Thanh T gửi ảnh visa và lịch trình “tour” du lịch Cuba của Lê Văn S1 cho Trần Văn S qua mạng telegram và thông báo ngày xuất cảnh là 18/5/2022, đồng thời nói S thông báo cho Lê Văn S1 ra Hà Nội trước một ngày để test Covid, khi đi cầm theo 4.000 USD, 1000 EURO cùng hành lý gọn nhẹ để phù hợp với khách đi du lịch. T gửi cho S số điện thoại của T để S1 liên lạc đón tại Hà Nội là “0983208090”. Trần Văn S đã trao đổi lại toàn bộ thông tin trên cho người nhà Lê Văn S1 biết để chuẩn bị. Cũng trong ngày 17/5/2022, Lê Văn S1 mua vé máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra sân bay N, Hà Nội và liên lạc theo số điện thoại “0983208090” gặp Phan Thị Thanh T đón tại cổng số 06, T dặn S1 về nghỉ sáng mai có người gọi đi test Covid.

Đoàn “tour” đi du lịch Cuba có 11 người gồm 10 người đi và một hướng dẫn viên du lịch của Công ty TNHH D.Travel xuất cảnh từ sân bay N vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 18/5/2022, quá cảnh tại sân bay Thổ Nhĩ Kỳ và hạ cánh xuống sân bay C vào khoảng chiều ngày 20/5/2022. Sau khi đến Cuba, cả đoàn đi tham quan du lịch theo chương trình “tour”. Do không bố trí được sang Mỹ nên Lê Văn S1, Nguyễn Quý T5 và Nguyễn Thị Kiều N phải gia hạn visa một lần để chờ, sau đó vẫn không đi được nên N và T5 phải quay về Việt Nam (nhập cảnh vào ngày 11/7/2022). Lê Văn S1 được Trần Văn S móc nối với đoàn mới (khoảng 12 người, chủ yếu ở Nghệ An) sang Cuba (chưa xác định được người tổ chức) và chuyển đi theo với đoàn này nhưng cũng không đi được sang Mỹ nên phải mua vé cho Lê Văn S1 về Việt Nam vào ngày 13/7/2022 qua cửa khẩu sân bay quốc tế T13, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi Lê Văn S1 quay về Việt Nam, Trần Văn S đã trả lại cho gia đình Lê Văn S1 số tiền 20.000.000 đồng; Phan Thị Thanh T trả lại cho gia đình Lê Văn S1 số tiền 130.000.000 đồng. Phan Thị Thanh T đã nhận từ Nguyễn Thị Kiều N số tiền 462.976.000 đồng để mua vé máy bay cho Nguyễn Thị Kiều N và 07 khách của N, T đã mua vé máy bay hết số tiền N chuyển là 462.976.000 đồng. Theo lời khai của Nguyễn Quý T5, trước khi xuất cảnh, Phan Thị Thanh T yêu cầu đóng

phí “bôi trơn” hải quan số tiền 600 USD/người, Nguyễn Quý T5 chuyển cho Phan Thị Thanh T số tiền 126.900.000 đồng tương đương với tỷ giá của 5.400 USD/9 người (gồm tiền của T5, N và khách của N). Sau đó, Phan Thị Thanh T yêu cầu T5 chuyển số tiền đặt cọc để đi Mỹ và T5 đã chuyển cho T số tiền 18.000 USD. Về số tiền “bôi trơn” hải quan, Phan Thị Thanh T khai đã chuyển cho Nguyễn Hữu T9 để T9 thực hiện. Nguyễn Hữu T9 không thừa nhận nội dung việc chuyển tiền mà cho rằng đó là tiền Phan Thị Thanh T trả nợ cá nhân, bản thân T9 không quen ai làm ở hải quan. Cơ quan điều tra đã tổ chức cho T đối chất với Nguyễn Hữu T9 nhưng không đủ cơ sở để kết luận. Về số tiền 18.000 USD đặt cọc đi Mỹ của Nguyễn Quý T5, Phan Thị Thanh T cho rằng đây là tiền T5 trả cho T trong việc làm dịch vụ visa du học trước đó, cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất nhưng không đủ cơ sở để kết luận.

Tại Cáo trạng số 89/CT-VKS-P1 ngày 22/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo Phan Thị Thanh Thuận và Trần Văn Sáu về “Tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2023/HS-ST ngày 14/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phan Thị Thanh T và Trần Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt Phan Thị Thanh T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Được trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2022 đến ngày 02/4/2023.

Xử phạt Trần Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Được trừ thời gian bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 13/8/2022 đến ngày 09/01/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, bị cáo Trần Văn S có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội để chăm lo cho gia đình, giúp ích cho xã hội.

Ngày 25/9/2023, bị cáo Phan Thị Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt xuống 15 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thị Thanh T vắng mặt; bị cáo Trần Văn S rút toàn bộ kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn S tự nguyện rút đơn kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn S.

Bị cáo Phan Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không vì lý do

bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử là phù hợp theo Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị Thanh T: Bị cáo T là người trực tiếp câu kết với các đối tượng liên quan trong vụ án vạch kế hoạch, hướng dẫn, chuẩn bị các điều kiện (mua vé máy bay, trực tiếp làm việc, đặt “tour” với Công ty TNHH du lịch sự kiện J Travel tổ chức đưa người sang nước Cuba du lịch) để tổ chức cho Lê Văn S1, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 đi du lịch trá hình đến Cuba nhằm mục đích trốn sang Mỹ lao động. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 30 tháng tù là phù hợp.

Ngoài nội dung kháng cáo, quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phúc thẩm căn cứ các tài liệu hồ sơ vụ án xét thấy các đối tượng là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 đã cùng với Phan Thị Thanh T là đồng phạm thực hiện hành vi tổ chức cho anh Võ C3, cháu Võ Quang L1, chị Nguyễn Thị N2 (và có thể là một số người khác nữa) trốn sang Mỹ thông qua đi du lịch trá hình sang C. Các cơ quan tiền hành tố tụng cấp sơ thẩm không khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 để làm rõ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong việc tổ chức cho anh C3, cháu L1, chị N2... trốn ra nước ngoài là bỏ lọt người phạm tội, đồng thời chưa làm rõ được vai trò của T trong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo T nên để đảm bảo không mất quyền kháng cáo của bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2023/HS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An; kiến nghị khởi tố đối với hành vi phạm tội của các đối tượng nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Thanh T, Trần Văn S đều trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn S tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn S.

[3] Đối với bị cáo Phan Thị Thanh T, Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập bị cáo đến phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 15/01/2024 và ngày 28/3/2024 tuy nhiên bị cáo đều vắng mặt không có lý do. Xét việc vắng mặt của bị cáo Phan Thị Thanh T tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử, không gây bất lợi cho chính bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Phan Thị Thanh T theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thị Thanh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn S và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp diễn biến quá trình xảy ra vụ án, vật chứng được thu giữ, các kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào tháng 5/2022, Phan Thị Thanh T không có chức năng, không được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép tuyển dụng đưa công dân là người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, đã câu kết với Trần Văn S tư vấn, nhận tiền và hồ sơ để làm thủ tục cho Lê Văn S1 đi du lịch trá hình đến Cuba để từ đó trốn sang Mỹ lao động. Sau đó, Phan Thị Thanh T đã câu kết với các đối tượng liên quan vạch kế hoạch, hướng dẫn, chuẩn bị các điều kiện (mua vé máy bay, trực tiếp làm việc, liên hệ đặt “tour” với Công ty du lịch tổ chức đưa người đi Cuba du lịch) để tổ chức cho Lê Văn S1, Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 đi du lịch trá hình đến Cuba nhằm mục đích trốn sang Mỹ lao động với giá tiền là 45.000 USD/người nhằm thu lợi bất chính. Ngày 18/5/2022, Phan Thị Thanh T đã hướng dẫn cho Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 và Lê Văn S1 làm thủ tục xuất cảnh từ sân bay N, Hà Nội đến C. Sau khi đến C, T, S không bố trí, sắp xếp cho Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Quý T5 và Lê Văn S1 trốn sang Mỹ được nên phải quay về Việt Nam.

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Phan Thị Thanh T về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị Thanh T: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, với thủ đoạn tổ chức cho người khác xuất cảnh ra nước ngoài theo hình thức hợp pháp sau đó trốn sang nước thứ 3 để lao động, có sự tham gia của nhiều đối tượng cả trong và ngoài nước. Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị Thanh T đã xâm hại đến trật tự quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động và xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, phân hóa đúng vai trò của bị cáo trong vụ án và đã xem xét đến nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), để từ đó quyết định xử phạt bị cáo T với mức hình phạt 30 tháng tù là thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm không có phát sinh thêm tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phan Thị Thanh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Trong vụ án này, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài còn liên quan đến các đối tượng gồm Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Văn C, Lê Quý T6, Lê Quý T10 (hiện N, C, T6 đều đã xuất cảnh và chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam). Tuy nhiên do Cơ quan điều tra xác định chưa có đầy đủ tài liệu, chứng cứ làm rõ về hành vi phạm tội của các đối tượng trên trong vụ án này nên Cơ quan điều tra đã quyết định tách hồ sơ theo tin B2 và sẽ tiếp tục xác minh để xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra cấp có thẩm quyền cần nhanh chóng tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ về hành vi của các đối tượng Nguyễn Thị Kiều N, Nguyễn Văn C, Lê Quý T6, Lê Quý T10 để trong trường hợp có đầy đủ chứng cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật, tránh việc bỏ lọt tội phạm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào Điều 342; Điều 348; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Văn S. Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Thanh T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Thị Thanh T, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Thanh T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 53; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thanh T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2022 đến ngày 02/4/2023.

3. Về án phí: Bị cáo Phan Thị Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P. HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Hải Hiệp